TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-ST
Ngày 21-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông Huỳnh Minh Giới.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2018/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Bích N, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐB, xã KBT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:*

+ Ông Lâm Tấn K, sinh năm 1963 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị S (Nguyễn Út S), sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp ĐB, xã KBT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Bích N trình bày: Trước đây, chị có cho bà S mượn tiền nhiều lần tổng 60.000.000 đồng, đến ngày 02/11/2014 bà Nguyễn Thị S có làm biên nhận tổng nợ 60.000.000 đồng,

lãi suất bắt đầu tính 3.000.000đ/tháng, thỏa thuận khi nào vợ chồng bà S sang nhượng đất thì trả lại cho chị. Sau khi vay thì không thực hiện đúng thỏa thuận, mặc dù chị đòi nhiều lần nhưng bà S, ông K hứa hẹn và không trả. Đến nay, tài sản đang chuẩn bị phát mãi để thi hành án trả cho người khác và chị có nói với bà S sẽ khởi kiện ra Tòa án nhưng vợ chồng bà S không có ý kiến gì. Nay chị khởi kiện yêu cầu bà S cùng chồng là ông Lâm Tấn K có nghĩa vụ trả lại cho chị 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà S được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K và bà S là có căn cứ.

[2] Chi N khởi kiện đòi lại 60.000.000 đồng tiền cho vay vào ngày 02/11/2014. Chứng cứ chị N cung cấp là 01 biên nhận thể hiện nội dung: *"ngày 2-11-2014 chị có nhận của N số tiền là 60.000.000 S chục triệu chẵn, người nhận chị Út S"*. Khi chị N khởi kiện tại Tòa án đòi lại 60.000.000 đồng thì ông K và bà S biết nhưng cho đến nay không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không phản bác chứng cứ chị N nộp cho Tòa án. Điều này cho thấy bà S và ông K chấp nhận còn nợ tiền mượn đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện. Do đó, việc chị N khởi kiện đòi lại 60.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét nghĩa vụ trả nợ của ông K thì thấy rằng: Tại biên bản đương sự không nhận quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/8/2018, ông K xác định là nợ của bà Nguyễn Thị S, ông không biết số nợ này nên không đồng ý theo khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà S đang tồn tại, kinh tế vẫn sử dụng chung trong gia đình. Như vậy, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, tài sản tạo ra thu nhập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung thì nợ trong thời kỳ hôn nhân cũng là nợ chung. Do đó, ông K là chồng bà S phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị N là có căn cứ.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền bằng 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Lâm Tấn K có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho chị Lê Bích N 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà S và ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị S và ông Lâm Tấn K phải chịu 3.000.000 đồng. Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị N 1.500.000 đồng tiền dự nộp theo biên lai số 0008110 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên